

# ĐỀ SỐ 10



| N<br>O | ENGLISH          | TYP<br>E | PRONUNCIATIO<br>N | VIETNAMESE         |
|--------|------------------|----------|-------------------|--------------------|
| 1      | Pick up          | v        | /pɪk ʌp/          | nhặt               |
| 2      | Consumer         | n        | /kən'sju:mər/     | người tiêu dùng    |
| 3      | Tourist          | n        | /'tʊərɪst/        | du khách           |
| 4      | Consistent       | adj.     | /kən'sɪstənt/     | nhất quán          |
| 5      | Exceed           | v        | /ɪk'si:d/         | vượt quá           |
| 6      | Distinct         | adj.     | /dɪ'stɪŋkt/       | khác biệt          |
| 7      | Synthetic        | adj.     | /sɪn'θetɪk/       | tổng hợp, nhân tạo |
| 8      | Sweater          | n        | /'swetər/         | áo len             |
| 9      | Utilise          | v        | /'ju:tɪlaɪz/      | tận dụng           |
| 10     | Arrest           | v        | /ə'rest/          | bắt giữ            |
| 11     | Patrol           | v        | /pə'trəʊl/        | tuần tra           |
| 12     | Neutral          | adj.     | /'nju:trəl/       | trung lập          |
| 13     | Absorb           | v        | /əb'zɔ:rb/        | hấp thụ            |
| 14     | Release date     | n        | /rɪ'li:s deɪt/    | ngày phát hành     |
| 15     | Viewer of        | n        | /'vju:ər ʌv/      | người xem          |
| 16     | Burglary         | n        | /'bɜ:gləri/       | vụ trộm            |
| 17     | Commit the crime | phr.     | /kə'mɪt ðə kraɪm/ | phạm tội           |
| 18     | Neglect          | v        | /nɪ'glekt/        | sao nhãng, bỏ bê   |
| 19     | Viable           | adj.     | /'vaɪəbl/         | khả thi            |
| 20     | Downside         | n        | /'daʊnsaɪd/       | mặt trái, bất lợi  |
| 21     | Outweigh         | v        | /aʊt'wei/         | vượt trội          |
| 22     | Undoubtedly      | adv.     | /ʌn'daʊtɪdli/     | không nghi ngờ     |
| 23     | Initiative       | n        | /ɪ'ɪnɪʃətɪv/      | sáng kiến          |